

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 49/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 3 năm 1991

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành pháp lệnh chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội Đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 29 tháng 12 năm 1987 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Căn cứ Pháp lệnh chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam ngày 10 tháng 12 năm 1988;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước;

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

Nghị định này cụ thể hoá Pháp lệnh chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam (dưới đây viết tắt là Pháp lệnh) nhằm thực hiện Pháp lệnh.

Điều 2.

Các bên tham gia chuyển giao công nghệ.

1. "Bên giao công nghệ" nói ở khoản 1 điều 2 của Pháp lệnh gồm:

Pháp nhân nước ngoài (tổ chức kinh tế, tài chính, khoa học, công ty, xí nghiệp);

Tổ chức phi chính phủ;

Cá nhân nước ngoài;

Các xí nghiệp và công ty có vốn nước ngoài là pháp nhân Việt Nam;

Người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2. "Bên nhận công nghệ" nói ở khoản 2 điều 2 của pháp lệnh gồm:

Pháp nhân Việt Nam (tổ chức kinh tế, khoa học, công ty, xí nghiệp, các đơn vị kinh tế quốc doanh, tập thể và tư nhân, viện nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội);

Xí nghiệp, công ty có vốn đầu tư nước ngoài là pháp nhân Việt Nam;

Cá nhân Việt Nam.

Điều 3.

Nội dung chuyển giao công nghệ.

Các hoạt động dưới đây được coi là hoạt động chuyển giao công nghệ:

1. Chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp như:

Sáng chế;

Kiểu dáng công nghiệp;

Nhãn hiệu hàng hoá.

Các đối tượng trên được hiểu theo điều 4, chương I, Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ngày 28-1-1989.

Hoạt động mua bán nhãn hiệu hàng hoá mà không kèm theo việc chuyển giao các quyền sở hữu công nghiệp khác thì không được coi là chuyển giao công nghệ.

2. Chuyển giao thông qua việc mua bán, cung cấp các đối tượng sau (có thể có hoặc không có thiết bị đi kèm):

Bí quyết kỹ thuật;

Phương án công nghệ, quy trình công nghệ;

Tài liệu thiết kế sơ bộ và thiết kế kỹ thuật;

Công thức, bản vẽ, sơ đồ, bảng, biểu;

Thông số kỹ thuật hoặc kiến thức kỹ thuật chuyên môn khác.

3. Thực hiện các hình thức dịch vụ hỗ trợ và tư vấn sau:

Hỗ trợ kỹ thuật, lựa chọn công nghệ, hướng dẫn lắp đặt thiết bị, vận hành thử các dây chuyền công nghệ;

Nghiên cứu, phân tích, đánh giá, nghiên cứu cơ hội, nghiên cứu tiền khả thi và khả thi các dự án đầu tư và đổi mới công nghệ;

Tư vấn về quản lý công nghệ, tổ chức và vận hành các quá trình công nghệ và sản xuất;

Đào tạo, huấn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật và quản lý của cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân;

Thực hiện dịch vụ về thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin về thị trường, công nghệ, pháp lý, tài nguyên và môi trường.

Các hoạt động thuần túy nhập khẩu máy móc, thiết bị vật tư thông thường không được coi là chuyển giao công nghệ và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh.

Điều 4.

Yêu cầu cơ bản đối với các công nghệ được chuyển giao vào Việt Nam.

1. Công nghệ được chuyển giao phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a. Nâng cao trình độ công nghệ của sản xuất:

Nâng cao năng suất lao động;

Sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng;

Cải tiến kiểu dáng, nâng cao chất lượng sản phẩm;

Tạo ra sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước hoặc xuất khẩu.

b. Khai thác hợp lý các nguồn nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu tại chỗ, sử dụng được nguồn lao động dồi dào, tạo công ăn việc làm, khai thác hợp lý và phát triển các tài nguyên tái tạo được.

2. Công nghệ được chuyển giao phải bảo đảm:

a. Không gây ra những tác động làm ảnh hưởng hoặc đưa đến hậu quả xấu cho môi trường như:

Ô nhiễm đất, nước, không khí;

Gây hại cho hệ thực vật và động vật;

Làm mất cân bằng sinh thái nói chung;

Làm ảnh hưởng xấu tới môi trường dân cư về mặt văn hoá và xã hội.

b. Yêu cầu về an toàn lao động, điều kiện và môi trường công nghiệp cho người lao động.

Trong trường hợp do tính chất của công nghệ, có khả năng xuất hiện những tác động nêu tại các điểm nói trên, làm ảnh hưởng đến người lao động và môi trường, hai bên chuyển giao công nghệ phải có các giải pháp phòng ngừa cụ thể. Các giải pháp này phải được coi như một phần của công nghệ được chuyển giao và được giải trình chi tiết trong hợp đồng chuyển giao công nghệ.

CHƯƠNG II

HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 5.

Mọi hoạt động chuyển giao công nghệ giữa hai Bên giao công nghệ và nhận công nghệ có tính chất thương mại hoặc có những ràng buộc về quyền và nghĩa vụ phải được tiến hành thông qua việc ký kết một văn bản hợp đồng viết về chuyển giao công nghệ (sau đây gọi tắt là hợp đồng).

Văn bản hợp đồng này sẽ là cơ sở cho các Bên thực hiện các cam kết, bảo đảm pháp lý cho việc nhập khẩu công nghệ, thiết bị, thanh toán và giải quyết tranh chấp.

Các thoả thuận giao và nhận công nghệ không được thể hiện bằng hợp đồng đều không có giá trị pháp lý.

Điều 6.

Các khoản chính của hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ phải bao gồm các điều khoản chủ yếu sau đây:

1. Tên, địa chỉ của Bên giao và Bên nhận công nghệ; tên, chức vụ người đại diện của các Bên.
2. Các định nghĩa sử dụng trong hợp đồng.
3. Đối tượng chuyển giao công nghệ:

Tên (công nghệ hoặc dịch vụ);

Mô tả chi tiết những nội dung chủ yếu (theo cách phân loại các nội dung hoạt động chuyển giao công nghệ xác định ở Điều 3, Chương I);

Giá trị kinh tế và kỹ thuật của mỗi nội dung công nghệ được chuyển giao;

Kết quả dự kiến sẽ đạt sau khi thực hiện chuyển giao công nghệ (về mặt kinh tế, kỹ thuật, xã hội).

4. Các điều khoản liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp, trong đó có việc cung cấp các tài liệu mô tả đối tượng sở hữu công nghiệp và các văn bản pháp lý chứng nhận các quyền sở hữu công nghiệp được bảo hộ.

5. Thời hạn, tiến độ và địa điểm cung cấp công nghệ.

Trường hợp chuyển giao công nghệ có kèm theo thiết bị cần có danh mục thiết bị, tiến độ cung cấp, địa điểm bàn giao cho từng loại thiết bị.

Trường hợp chuyển giao công nghệ trong đầu tư hoặc cùng với việc xây dựng nhà máy, cần xác định rõ các mối tương quan giữa tiến độ thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ với tiến độ đầu tư hoặc xây dựng nhà máy.

6. Thanh toán.

Giá cả, điều kiện và phương thức thanh toán (loại tiền thanh toán, địa điểm thanh toán, thời hạn và các tỷ lệ v.v.).

Trường hợp công nghệ được chuyển giao gồm nhiều nội dung khác nhau, phải ghi rõ phân thanh toán cho mỗi nội dung chuyển giao theo hợp đồng.

Khi một nội dung hoặc một phần nào đó của công nghệ được chuyển giao không còn hiệu lực (do quyền sở hữu công nghiệp hết hạn được bảo hộ, do bí quyết kỹ thuật không còn là bí mật nữa), hai Bên phải thảo luận lại các điều khoản về thanh toán.

7. Cam kết của hai Bên về:

Chất lượng của công nghệ;

Độ tin cậy của công nghệ;

Thời hạn bảo hành;

Bảo đảm bí mật trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng;

Bảo vệ môi trường, an toàn lao động;

Những cam kết khác của hai Bên nhằm bảo đảm không có sai sót trong chuyển giao công nghệ.

8. Chương trình đào tạo cần thiết liên quan đến công nghệ được chuyển giao:

Trách nhiệm của hai Bên trong việc tổ chức đào tạo;

Hình thức nội dung và lĩnh vực đào tạo;

Thời hạn, địa điểm của chương trình đào tạo;